

GIỚI THIỆU SÁCH

MỘT CÁCH NHÌN MỚI VỀ CÔNG GIÁO VIỆT NAM

(Độc cuốn “*Ảnh hưởng qua lại giữa đạo Công giáo và văn hóa Việt Nam*” của TS. Phạm Huy Thông)

Nghiên cứu Công giáo không phải là một đề tài mới ở Việt Nam. Đã có rất nhiều người nghiên cứu về nó, khen chê dưới nhiều góc độ khác nhau. Nhưng đọc cuốn *Ảnh hưởng qua lại giữa đạo Công giáo và văn hóa Việt Nam* của TS. Phạm Huy Thông do Nhà xuất bản Tôn giáo vừa ấn hành tháng 11/2012 (dưới đây gọi tắt là “*Ảnh hưởng qua lại*”) vẫn đem lại cho tôi nhiều cảm nhận mới về tôn giáo này.

Trước hết, đây là cuốn chuyên luận được viết dưới lăng kính triết học. Tác giả không dùng khái niệm “*biện chứng triết học*” nhưng cách xem xét biện chứng, phương pháp biện chứng được hiển thị trong từng trang sách. Ngay tên cuốn sách cho thấy tác giả muốn làm rõ sự tương tác biện chứng giữa hai đối tượng: Công giáo và văn hóa Việt Nam. Một vài tác giả khi trình bày vấn đề này thường chỉ thấy một chiều, nghĩa là chỉ thấy được mặt tích cực hoặc tiêu cực nhằm minh giáo, hộ giáo hoặc phủ nhận Công giáo. Cuốn “*Ảnh hưởng qua lại*” đã vượt qua được những thái cực đó để có cái nhìn khách quan trung thực hơn và cũng rất “triết học” khi nhận xét: “*Rõ ràng, khi đạo Công giáo đóng dấu ấn của mình lên văn hóa Việt thì văn hóa Việt Nam cũng choàng trang phục dân tộc lên Công giáo. Đây là sự tương tác biện chứng hai chiều và kết quả là làm phong phú cả hai*” (tr. 18). Như vậy, Công giáo

cũng được đổi mới mình để trở thành “*đạo Công giáo Việt Nam chứ không phải là Công giáo ở Việt Nam*” (tr. 124).

Những ai đã học triết học biện chứng đều biết rõ, không có sự vật nào đơn độc một mình. Mà nó luôn bị chi phối, tác động của nhiều yếu tố. Cũng không có sự vật nào tác động đơn phương, một chiều. Bởi vậy, Công giáo ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam, đóng dấu ấn lên văn hóa Việt thì văn hóa Việt cũng ảnh hưởng trở lại, biến đổi Công giáo đến từ Phương Tây xa lạ, trở thành một tôn giáo gần gũi với văn hóa dân tộc. Hơn nữa, ảnh hưởng của Công giáo với văn hóa Việt không hoàn toàn chỉ có mặt tích cực. Dân gian vẫn thường nói: “hoa hồng nào chẳng có gai và huân chương nào cũng có hai mặt”. Công giáo cũng thế. Nó có nhiều đóng góp tích cực với văn hóa Việt Nam như tác giả đã trình bày khá thuyết phục từ trang 21 đến trang 98, mặt tiêu cực của nó cũng được tác giả chỉ ra từ trang 98 đến trang 120, cũng rất thuyết phục người đọc.

Cuốn sách ngoài phần mở đầu và kết luận, được chia làm 3 chương. Chương 1: “*Dấu ấn của Công giáo trong văn hóa Việt Nam*”. Chương này trình bày những đóng góp của Công giáo với văn hóa Việt. Có 4 nhóm đóng góp của Công giáo được ghi nhận: là cầu nối giao lưu văn hóa Việt Nam và thế giới; sáng tạo ra chữ Quốc ngữ; làm phong phú văn hóa Việt qua lễ hội, văn học, nghệ thuật, báo chí Công giáo và giáo lý Công giáo góp phần xây dựng lối sống lành mạnh trong xã hội.

Có vấn đề không mới, đã được đề cập nhiều lần như việc sáng tạo ra chữ Quốc ngữ nhưng tác giả cuốn “*ảnh hưởng qua lại*” vẫn đưa ra những thông tin mới hấp

dẫn. Chẳng hạn, mặc dù xây dựng và truyền bá chữ Quốc ngữ, nhưng Công giáo vẫn là nơi lưu truyền các ấn phẩm Hán - Nôm, các trường Công giáo vẫn buộc chủng sinh phải học Hán tự. Hay bàn về danh nhân văn hóa Công giáo Nguyễn Trường Tộ (1830-1871), tác giả không chỉ nói đến lòng yêu nước, tư tưởng canh Tân mà còn đưa ra nhận xét: *"Nguyễn Trường Tộ không chỉ là nhà cải cách có lòng yêu nước, ông còn là một triết gia lớn ở Việt Nam thế kỷ XIX"* (tr. 69). Một vài học giả trong và ngoài nước vẫn cho rằng ở Việt Nam không có triết học nên cũng không có triết gia mà chỉ có nhà tư tưởng. Điều này không đúng. Phương Tây cũng không tự nhiên có hệ thống triết học đồ sộ như ngày hôm nay. Họ cũng phải xây đắp, góp nhặt những tư tưởng triết học của từng cá nhân. Một câu nói *"Người ta không thể tắm hai lần ở một dòng sông"* của Heraclit (544 - 483 tr. CN) chưa thể xây dựng thành trường phái biện chứng triết học nhưng từ những tư tưởng đó nó đã hình thành. Vậy tại sao phát hiện của Nguyễn Trường Tộ từ cuối thế kỷ XIX: *"Ánh sáng cũng là vật chất trong vũ trụ"* (tr.71) lại không thể coi ông là một triết gia?

Chương 2: *Ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với Công giáo ở nước ta* là khám phá có ý nghĩa nhất của cuốn sách. Đây đó đã có tác giả nói đến quá trình Việt hóa, hội nhập văn hóa dân tộc nhưng cho đó là kết quả của "sự nhập gia tùy tục" hay là để Công giáo tồn tại chứ không phải là do sự ảnh hưởng của văn hóa Việt. Tác giả, không phủ nhận sự canh tân, đổi mới của Công đồng Vatican II đối với sự thay đổi của Giáo hội Công giáo Việt Nam nhưng rõ ràng sự tác động của văn hóa Việt đã trực tiếp làm

biến đổi Công giáo trên hai phương diện là hội nhập văn hóa dân tộc và đồng hành cùng dân tộc. Những bài học trong lịch sử dưới triều Nguyễn về sự phản ứng của xã hội, văn hóa Việt với Công giáo khi tôn giáo này bác bỏ việc thờ cúng tổ tiên đã buộc các nhà truyền giáo ở Việt Nam phải thay đổi thái độ về vấn đề này trước cả khi Vatican ban hành Huấn dụ *Plane compertum est* ngày 8/12/1939 cho phép người Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên được thờ cúng tổ tiên bằng hương hoa (tr. 144).

Chương 3: Tác giả chỉ ra xu hướng của mối quan hệ giữa Công giáo và văn hóa dân tộc trong thời kì đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. Vẫn còn có những khác biệt trong một số điểm giữa giáo lý và chính sách, thậm chí có cả chống đối nhưng cái tương đồng đã hiện hữu nhiều hơn và đang được vun đắp bằng sự chung tay của cả cộng đồng trong nước, người Việt ở nước ngoài và thiện chí của Tòa Thánh Vatican, tác giả đủ cơ sở để khẳng định: *"Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc" là xu hướng tất yếu của mối quan hệ qua lại giữa Công giáo và văn hóa Việt Nam*" (tr. 263).

Tham khảo được nhiều tài liệu từ phía Giáo hội và được cập nhật suốt lịch sử Công giáo từ khi nó có mặt ở Việt Nam đến nay, nên cuốn *"Ảnh hưởng qua lại"* đem lại cho người đọc nhiều thông tin mới. Công giáo ở Việt Nam có hàng chục tên gọi, tác giả đã dành 4 trang (21-24) để làm rõ nguồn gốc từng tên gọi và đề nghị nên gọi là Công giáo mặc dù trong nhiều sách báo và mục tôn giáo trên chứng minh thư vẫn ghi *Thiên Chúa giáo*. Tác giả cho rằng ghi như thế là không chính xác cả về khoa học cũng như thực tế vì ở Việt Nam không có

Thiên Chúa giáo mà chỉ có *Công giáo* mới được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân năm 1980 mà thôi (tr. 25). Có khái niệm nghe rất quen: “làng xôi đỗ” nhưng tác giả đưa ra cách giải thích: “*Gạo nếp xôi không thể ngon bằng khi có đỗ. Nó vừa có hương thơm của nếp, vị bùi của đỗ xanh. Một món ẩm thực rất Việt. Khái niệm này đã nói lên sự gắn kết, hòa quyện từ bao đời tuy không cùng tôn giáo nhưng cùng chung một giếng nước đầu làng, một mái đình rêu phủ*”. Chính cái tình “làng xôi đỗ” đã tạo ra bầu khí an bình ở Việt Nam, dù rằng có rất nhiều tôn giáo nhưng không có máu đổ vì lí do khác tôn giáo, thậm chí cùng tôn giáo như ở một số quốc gia trên thế giới.

Mặc dù là chuyên luận nhưng người đọc không cảm thấy khô khan khi đọc hết 320 trang sách. Với cách tiếp cận triết học - văn hóa, cuốn “*Ảnh hưởng qua lại*” đã chỉ ra những đóng góp của Công giáo “*với đất nước, với dân tộc trong suốt chặng đường lịch sử dựng nước và giữ nước*” (tr. 299) đồng thời “*chỉ ra rằng, chỉ có đi với dân tộc, tôn giáo này mới có sức sống và có nhiều đóng góp cho quê hương*” (tr. 286). Đó cũng là cái nhìn mới về tôn giáo này và cuốn “*Ảnh hưởng qua lại*” sẽ là cuốn sách cho tất cả những ai muốn tìm hiểu, nghiên cứu về Công giáo. Đúng như lời Giám mục Nguyễn Văn Sang - nguyên Phó Chủ tịch, Tổng Thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam đã viết trong lời giới thiệu: “*Cuốn sách của TS. Phạm Huy Thông sẽ là chuyên luận thích thú không chỉ với giới nghiên cứu mà cả độc giả trong và ngoài Công giáo*” (tr. 8)./.

Đỗ Lan Hiền

ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM THẾ KỈ XX

Tác giả: TS. Nguyễn Quốc Tuấn
Nxb. Từ điển Bách Khoa, 2012, 297 tr.

Phật giáo Việt Nam ở thế kỉ XX đứng trước những thách thức chưa từng có. Đó là làm thế nào để có thể tồn tại và thích nghi với các biến động sâu sắc không chỉ trong phạm vi quốc gia, mà còn trong phạm vi quốc tế đầy ắp những biến động dữ dội? Các vấn đề thực tế mà Phật giáo Việt Nam phải đối diện cũng chịu sự chi phối chung của cùng khuynh hướng trên thế giới, song mặt khác, Phật giáo Việt Nam cũng sẽ đối diện với những vấn đề nội tại riêng tư, nói một cách khác, Phật giáo phải tự mình “hiện đại hóa” trong khi vừa phải bảo lưu các nguyên tắc vốn đã sinh thành ra nó, vốn đã thâm nhập một cách sâu rộng trong xã hội Việt Nam từ cổ đến nay.

Cuốn sách tập trung nghiên cứu những nỗ lực gây dựng và chuyển động của Phật giáo Việt Nam ở thế kỉ XX, những gì là nền tảng, những gì có chung nền với Phật giáo thế giới đương thời, vai trò của Phật giáo trong thế kỉ XX và triển vọng trong thế kỉ XXI.

Chương 1: Cuốn sách bàn về *đời sống Phật giáo Việt Nam trước thế kỉ XX*. Tác giả phác lược phân kì lịch sử Phật giáo Việt Nam trước thế kỉ XX, đó là điểm lại những nét chính yếu nhất trên các mặt giáo lí, tổ chức Tăng đoàn - truyền thống truyền thừa, nghệ thuật Phật giáo, sự hội nhập và hỗn dung tôn giáo theo tinh thần *tam giáo đồng quy*, hội nhập giữa Phật giáo với các tín ngưỡng và nghi lễ nông nghiệp, giữa Phật giáo với linh hồn giáo, rồi những thăng trầm chung, riêng của Phật giáo trong tiến trình lịch sử.

Chương 2: *Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX* đã có những chuyển biến căn bản để Phật giáo không còn như cũ, nhưng cũng không hoàn toàn cắt đứt với truyền thống của mình. Cùng với diễn biến của chính trị xã hội thì riêng Phật giáo Việt Nam, diễn biến chính yếu nhất thế kỉ XX, theo tác giả, được đánh dấu bằng bốn sự kiện đặc biệt nổi bật:

(1) Phong trào chấn hưng Phật giáo từ những năm 1920 đến năm 1951;

(2) Cuộc “pháp nạn” năm 1963 ở Miền Nam và hệ quả;

(3) Sự thống nhất của Phật giáo Việt Nam trong một giáo hội toàn quốc năm 1981, mở ra một thời kì phát triển trên quy mô lớn nhất từ trước tới nay;

(4) Phật giáo sau năm 1990.

Có thể xem đây là bốn dấu mốc quy định diện mạo riêng của Phật giáo Việt Nam hiện đại, không trùng lặp với bất cứ giai đoạn nào trước đó.

Chương 3: *Tính bình dân - đại chúng (hay lối sống Phật giáo) và vùng - tộc người* đó là đặc điểm của Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX mà tác giả cuốn sách bàn đến.

Đặc điểm thứ nhất, đó là tính bình dân - đại chúng có hàm nghĩa chung nhất là để chỉ dạng Phật giáo đã hội nhập vào đời sống tôn giáo của người dân bản địa. Như vậy, tác giả đưa đến cách nhìn cả từ lịch sử cũng như truyền thống tôn giáo bản địa, có thể nói ngoài một dạng Phật giáo chân chính, ở Việt Nam, còn có một dạng Phật giáo kết hợp, được lắp ghép bởi những nông dân, chủ thể tiếp nhận chủ yếu. Hệ quả mà tính bình dân của Phật giáo tạo ra là sản sinh ra những tôn giáo mới trong thế kỉ XX là đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội Việt Nam tại vùng đất Nam Bộ.

Đặc điểm thứ hai, đó là tính chất vùng - tộc người. Khi đề cập đến Phật giáo ở Việt Nam không thể chỉ nói riêng người Việt, bởi lẽ là quốc gia đa tộc người, Phật giáo đã và đang tồn tại ở những tộc người khác như Khmer, Chăm, Hoa, và nhiều tộc người khác nữa mang tính chất vùng miền, tộc người khác nhau.

Chương 4: *Phức hợp và thống nhất của Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX*.

Đặc điểm tính phức hợp, được tác giả bàn đến với những vấn đề:

- Phức hợp trong bản thân Phật giáo Việt Nam trên nền tảng xã hội - tộc người hình thành trong lịch sử và di sản của lịch sử để lại (xét theo chiều thời gian)

- Phức hợp các hệ phái (Bắc tông, Nam tông và Khất Sĩ) theo phân định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay (xét theo chiều ngang)

- Phức hợp trong mối tương quan giữa Phật giáo và các tôn giáo khác (xét theo chiều ngang)

Tính thống nhất của Phật giáo Việt Nam được tác giả đề cập là thống nhất trên cơ sở quốc gia thống nhất; thống nhất trên cơ sở giáo lí Phật đà; thống nhất trên cơ sở “tham dự xã hội”.

Chương 5: *Bàn về vai trò của Phật giáo Việt Nam trong thế kỉ XX*. Sau khi trình bày bốn đặc điểm mà theo tác giả là nổi bật của Phật giáo Việt Nam trong các chương trước, tác giả rà soát lại và triển khai những gì mà Phật giáo đã đóng góp trong suốt thế kỉ XX. Vai trò Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX được tác giả tổng quát lại trên mấy phương diện sau:

- Phật giáo tham gia kháng chiến chống ngoại xâm và hoàn thành công cuộc thống nhất Tổ quốc;

- Phật giáo tham gia kiến quốc, cải biến xã hội và xác lập một lối sống Phật giáo hiện đại;

- Phật giáo tham gia hiện đại hóa đất nước trên tư cách một động lực của phát triển và hoàn thiện nhân cách con người.

Cuốn sách giúp bạn đọc hiểu thêm về những nỗ lực gây dựng và chuyển động của Phật giáo Việt Nam ở thế kỉ XX, những gì là nền tảng, những gì có chung nền với Phật giáo thế giới đương thời, vai trò của Phật giáo trong thế kỉ XX và triển vọng trong thế kỉ XXI. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách của Tiến sĩ Nguyễn Quốc Tuấn. /.

Kim Phương

TIN TÔN GIÁO

“LỄ HỘI VĂN HÓA PHẬT GIÁO DÂN TỘC”

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Thành phố Đà Nẵng, sự hướng dẫn của Ban Hoàng pháp và Ban Văn hóa Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sự hợp tác hỗ trợ của Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, sự đồng thuận của ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, theo truyền thống hàng năm, Ban Văn hóa Thành hội Phật giáo Thành phố Đà Nẵng tổ chức *Lễ hội Quán Thế Âm* từ ngày 17 đến ngày 19 tháng Hai, năm Quý Tỵ (nhằm các ngày 28,29 và 30/3/2013), với nhiều nội dung phong phú như: triển lãm tranh ảnh về du lịch và danh thắng Ngũ Hành Sơn, liên hoan hát Bài Chòi Khu V, triển lãm Thư Pháp chủ đề “Nguyên Xuân”, biểu diễn võ thuật và Hội cờ người, tôn trí và trưng bày tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tôn, pháp đàn Quán Thế Âm, giao lưu văn nghệ giữa các chùa Miền Bắc và Miền Trung, múa Lục cúng hoa đăng, lửa trại và Hội hoa đăng, Hội đua thuyền truyền thống, đại lễ cầu siêu các anh hùng liệt sĩ Trường Sơn, biểu diễn ca múa nhạc với chủ đề “Hồn thiêng đất Việt”...

Nhân sự kiện này, ngày 30/3/ 2013, Ban Văn hóa Thành hội Phật giáo Thành phố Đà Nẵng phối hợp với Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức cuộc tọa đàm khoa học “*Lễ hội văn hóa Phật giáo dân tộc*” tại chùa Quán Thế Âm, 48 Sư Vạn Hạnh, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng. Tham dự cuộc tọa đàm có Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ Thành phố Đà Nẵng, Ban Văn hóa Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Hòa thượng Thích Hải ấn, Phó Trưởng ban Thường trực; Hòa thượng Thích Quang Nhuận, Phó Trưởng ban), Thành hội Phật giáo Thành phố Đà Nẵng (Thượng tọa Thích Từ Nghiêm, Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Trưởng ban Hoàng pháp; Thượng tọa Thích Huệ Vinh, Trưởng ban Văn hóa), TS. Chu Văn Tuấn - Phó Viện trưởng - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hội Di sản Văn hóa Việt Nam - Phó Chủ tịch - PGS.TS. Đặng Văn Bài và đông đảo các nhà nghiên cứu trong và ngoài Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia cuộc tọa đàm.

Các tham luận và phát biểu tại cuộc tọa đàm khoa học tập trung đánh giá một số vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến lễ hội Phật giáo ở Việt Nam, nhất là khu vực Miền Bắc và Miền Trung như: vai trò của lễ hội Phật giáo trong đời sống tinh thần của người Việt Nam; sự biến đổi các thành tố văn hóa trong lễ hội Phật giáo; một số nhân vật Phật giáo liên quan đến lễ hội Phật giáo như Bồ Tát Quán Thế Âm, Phật Pháp Vân, Phật Pháp Vũ, Phật Pháp Lô, Phật Pháp Điện, Thiền sư Từ Đạo Hạnh, Thiền sư Nguyễn Minh Không, Thiền sư Dương Không Lộ, Thiền sư Nguyễn Giác Hải...; giá trị đặc sắc của những lễ hội Phật giáo tiêu biểu ở Miền Bắc và Miền Trung như lễ hội Chùa Hương, lễ hội Chùa Thầy (Hà Nội), lễ hội Yên Tử (Quảng Ninh), lễ hội Chùa Dâu (Bắc Ninh), lễ hội chùa Bỏ Đà (Bắc Giang), lễ hội Chùa Keo (Thái Bình); lễ hội chùa Cổ Lễ (Nam Định); lễ hội chùa Quán Thế Âm (Đà Nẵng)...; Từ đó phân tích một số kinh nghiệm trong việc tổ chức và quản lí lễ hội Phật giáo ở Việt Nam hiện nay.

Ban Tổ chức và các thành viên tham dự mong muốn, trong thời gian tới sẽ có nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học tiếp tục được tổ chức, đề cập đến những vấn đề chuyên sâu nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị đặc sắc của lễ hội Phật giáo, phục vụ các mục tiêu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và của đất nước, gắn liền với sự phát triển du lịch bền vững./.

Lê Gia Hàn